

Bản án số: 21/2017/DS-ST.

Ngày 03/07/2017

V/v Vi phạm hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Mạnh Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Trần Mai Khương**

2/ Ông **Phan Văn Hoàng**.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga – Cán bộ Tòa án huyện T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Trúc Mai** – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 07 năm 2017, tại trụ sở TAND huyện T, Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/2017/TLST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2017 về việc “*Vi phạm hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2017/QĐXX-ST ngày 24 tháng 5 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Thị N**, sinh năm 1960.

Trú tại: Tổ 10, thôn T, xã B, huyện T, Quảng Nam. Có mặt

2. Đồng bị đơn:

+ Ông Nguyễn Minh H – sinh năm 1978. Vắng mặt

+ Bà Trần Thị – sinh năm 1981. Vắng mặt.

Cùng trú tại: Tổ 4, thôn T, xã B, huyện T, Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn kiện đề ngày 03/03/2017, bà Lê Thị N cho rằng: vào tháng 8 năm 2016 bà N có cho vợ chồng bà Trần Thị H và ông Nguyễn Minh H mượn số tiền 42.000.000 đồng và 25 chỉ vàng 99%. Khi mượn vợ chồng ông bà H có viết giấy tay hẹn đến tháng giêng năm 2017 sẽ trả lại đủ số tiền và vàng trên cho bà N, nhưng đến nay quá thời hạn trả nhưng vợ chồng ông bà H vẫn mới chỉ trả được 15.000.000 đồng. Số tiền còn lại là 27.000.000 đồng và 25 chỉ vàng 99% mặc dù bà N đòi nhiều lần, nhưng vợ chồng ông bà H không chịu trả. Bà N đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Trần Thị H và ông Nguyễn Minh H phải trả cho bà N số tiền còn nợ là 27.000.000 đồng và 25 chỉ vàng 99% và không tính lãi.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 06/03/2017, bị đơn bà Trần Thị H thừa nhận vợ chồng bà là Trần Thị H và Nguyễn Minh H có nợ tiền và vàng của bà N với số tiền như bà Nga đã trình bày. Do việc làm ăn gặp khó khăn nên vợ chồng bà không có khả năng trả nợ đúng như cam kết với bà N. Nay bà N khởi kiện đòi lại

27.000.000 đồng và 25 chỉ vàng 99%, bà H đồng ý trả số nợ trên, nhưng hiện nay chưa khả năng để trả.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng pháp luật; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng bà Lê Thị N kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Riêng đồng bị đơn ông Nguyễn Minh H và bà Trần Thị H đã không chấp hành đúng pháp luật khi vắng mặt tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án: Đại diện viện kiểm sát đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N buộc vợ chồng bà Trần Thị H và ông Nguyễn Minh H phải trả cho bà Lê Thị N số tiền còn nợ là 27.000.000 đồng và 25 chỉ vàng 99%, bởi tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 06/03/2017, bị đơn bà Trần Thị H thừa nhận vợ chồng bà H hiện còn nợ bà Lê Thị N số tiền và vàng là 27.000.000 đồng và 25 chỉ vàng 99%. Nên yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N là có căn cứ và đúng pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nhưng đồng bị đơn là ông Nguyễn Minh H và bà Trần Thị H đã vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt đồng bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 06/03/2017, bị đơn bà Trần Thị H thừa nhận vợ chồng bà là Trần Thị H và Nguyễn Minh H có nợ tiền và vàng của bà N vào tháng 8 năm 2016. Tổng số tiền vợ chồng ông Nguyễn Minh H và bà Trần Thị H đã vay bà N là 42.000.000 đồng và 25 chỉ vàng, khi vay mượn ông bà H có viết giấy tay hẹn đến tháng giêng năm 2017 sẽ trả đủ, sau đó vợ chồng ông bà H đã trả được cho bà N 15.000.000 đồng. Bà Trần Thị H thừa nhận hiện nay, vợ chồng bà Trần Thị H và ông Nguyễn Minh H còn nợ bà Lê Thị N số tiền và vàng là 27.000.000 đồng và 25 chỉ vàng 99%. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N là có căn cứ và đúng pháp luật, như nội dung quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát.

[3] Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N buộc vợ chồng bà Trần Thị H và ông Nguyễn Minh H phải trả cho bà Lê Thị N số tiền còn nợ là 27.000.000 đồng và 25 chỉ vàng 99%. (giá trị của 25 chỉ vàng tại thời điểm xét xử là 3.400.000 đồng x 25 chỉ = 85.000.000 đồng)

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án buộc bà Trần Thị H và ông Nguyễn Minh H phải chịu 5.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Lê Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.800.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 177, điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 471, 474, 305 của Bộ luật dân sự năm 2005. Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị N, buộc bà Trần Thị H và ông Nguyễn Minh H có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị N số tiền và vàng còn nợ của bà N là 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng) và 25 (Hai mươi lăm) chỉ vàng 99%.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên thì hằng tháng người phải thi hành án còn phải trả khoản lãi theo lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

2/ Về phần án phí: Xử buộc bà Trần Thị H và ông Nguyễn Minh H phải chịu 5.600.000 đồng (Năm triệu sáu trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Lê Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.200.000 đồng (Ba triệu hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0020181 ngày 06/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đồng bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành tố tụng
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên, đóng dấu)

Trần Mạnh Dũng